

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày 19-5-2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng
2. Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 10-03-2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/2020/TB-TA ngày 26-03-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Kết cấu công trình Q;

Địa chỉ trụ sở: Số 1172/26B đường B phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật đồng thời trực tiếp tham gia tố tụng: Ông Vũ Thái T – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Kết cấu công trình Q;

Địa chỉ liên hệ: Số 1200/10, đường B phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Bảo hiểm A;

Địa chỉ: Tòa nhà A, số 117-119 đường C, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông S – Quốc tịch Úc, hộ chiếu số E114680 do Bộ ngoại giao Úc cấp ngày 15-10-2013 (theo Văn bản số 2888/BTC-QLBH ngày 04-03-2016 của Bộ Tài chính);

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang H – Phó trưởng phòng Pháp chế - Công ty Cổ phần Bảo hiểm A (văn bản ủy quyền ngày 16-9-2019), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP B;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 412 đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Chức vụ Tổng Giám đốc;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Duy K – Nhân viên quan hệ khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ chi nhánh: Số 20G2 đường T, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng sản xuất dịch vụ và Thương mại Đ;

Địa chỉ trụ sở: Đường C, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn V – Chức vụ: Giám đốc, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Công ty Cổ phần M;

Địa chỉ: Đường 2A, khu công nghiệp P 1, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần M;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Trần S- Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Cổ phần M, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Công ty TNHH dịch vụ vận tải T;

Địa chỉ: số 1200/10 đường B phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật đồng thời trực tiếp tham gia tố tụng: Ông Vũ Thái T – Chức vụ: Giám đốc Công ty dịch vụ vận tải T, có mặt.

3.5. Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 400/10 đường T, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-12-2018 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Kết cấu công trình Q (gọi tắt là Công ty Q) là chủ sở hữu 02 xe tải CNHTC gồm:

1. Xe tải CNHTC mang biển số 72C 09407, Giấy đăng ký số 019101 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-11-2016 (cấp lần đầu).

2. Xe tải CNHTC mang biển số 72C 09492, Giấy đăng ký số 019103 do

Phòng CSGT Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-11-2016 (cấp lần đầu).

Tháng 03 năm 2017, Công ty Q đưa 2 phương tiện nêu trên vào hợp tác kinh doanh vận chuyển xỉ thép cho Công ty Cổ phần M. Ngày 31-8-2017, Công ty Q dùng 2 phương tiện này làm tài sản thế chấp cho khoản tín dụng 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh V.

Tháng 9 năm 2018, do Hợp đồng bảo hiểm thân vỏ xe của 2 phương tiện với Công ty Bảo hiểm Q (MIC) đã hết, Ngân hàng B có giới thiệu Công ty Cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu là đơn vị liên kết với Ngân hàng để Công ty Q tham gia bảo hiểm. Trong quá trình thương thảo Công ty Q có 2 thắc mắc được Nhân viên khai thác bảo hiểm A trao đổi qua thư điện tử trả lời:

- Bảo hiểm A đang xúc tiến ký hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Sản xuất Dịch vụ Thương mại Đ (gọi tắt là Công ty Đ) để sửa chữa phương tiện. Do đây là Gara ở địa bàn thị xã P liên kết với đa số các đơn vị Bảo hiểm.

- Trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm trong địa bàn nội bộ Nhà máy, Công ty thì Bảo hiểm A có thể ủy quyền cho Gara liên kết giám định hiện trường và đề nghị Công an địa phương xác nhận sự việc.

Ngày 17-9-2018, Hợp đồng bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm thân vỏ xe ô tô) đã được các bên ký kết, gồm: Công ty Q là người được bảo hiểm; Bảo hiểm A là người bảo hiểm; Ngân hàng B là người thụ hưởng.

Vào lúc 16h11 phút ngày 09-10-2018, khi vận chuyển xỉ thép từ Nhà máy V về bãi xử lý của Công ty cổ phần M, phương tiện 72C 09407 do tài xế Nguyễn Công B điều khiển, khi lùi xe lên dốc vào bãi đổ hàng, do nền yếu, sạt mé ta luy âm, dẫn đến phương tiện 72C 09407 bị lật ngang, rơi xuống độ sâu khoảng 5m. Lái xe Nguyễn Công B chỉ bị xây sát nhẹ, không có hàng hóa, xe bị hư hỏng nặng phần cabin; cong gãy thùng chở hàng; cong chassiss và một số thiệt hại liên quan.

Công ty Q đã kịp thời thông báo về tình hình tai nạn đến Tổng Công ty Bảo hiểm A trong quãng thời gian từ 16h25' đến 17h00' ngày 09-10-2018. Phôi hợp cùng đơn vị Chủ quản địa bàn (Công ty CP M) lập biên bản ghi nhận sự việc, làm cơ sở cho việc đề nghị các cơ quan chức năng xác nhận vụ việc. Giữ nguyên hiện trường chờ Bảo hiểm A đến giám định bước đầu.

8h00' ngày 10-10-2018, Giám đốc Chi nhánh Công ty A tại Bà Rịa Vũng Tàu, cùng Nhân viên khai thác đến hiện trường. Nhận định ban đầu là thiệt hại nặng nên đã đề nghị Tổng Công ty A cử Giám định từ Tổng Công ty xuống hiện trường, nhưng Tổng Công ty không đáp ứng. Đồng thời, cả Công ty Q và Bảo hiểm A đều đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông thị xã Phú Mỹ đến lập biên bản hiện trường, nhưng đều bị từ chối với lý do: tai nạn xảy ra trong địa bàn nội bộ Công ty, không phải trên đường giao thông nên không thuộc phạm vi xử lý của Cảnh sát giao thông.

Sau khi Bảo hiểm A hướng dẫn lái xe Nguyễn Công B lập hồ sơ khai báo tai nạn, chụp ảnh hiện trường; Biên bản ghi nhận sự việc do Công ty M lập; Phiếu cân tổng trọng tải hàng và phương tiện chuyển hàng xảy ra tai nạn, đến

13h00 ngày 10-10-2018 Bảo hiểm A thống nhất cho cứu hộ phương tiện 72C 09407 lên khỏi hố lúc 21h00' và chỉ định đưa về Gara Đ lúc 22h00 ngày 10-10-2018.

Sau đó Bảo hiểm A yêu cầu gara Đ tháo gỡ các chi tiết hư hỏng để nhân viên Bảo hiểm A đến giám định chi tiết, từ ngày 15 đến hết ngày 18-10-2018 đã giám định được 51 khoản mục hư hỏng ở các mức độ (trong đó cho rằng có 03 mục: đã đọc trên thùng hàng bên tài; vách trên thùng hàng bên tài; vách dưới thùng hàng bên tài không thuộc vụ tai nạn), 01 khoản mục (cao su chân máy) chưa xác định được, sẽ đưa vào các hạng mục phát sinh khi sửa chữa (giám định bổ sung).

Từ sau ngày 18-10-2018 đến 29-10-2018, Công ty Q không nhận được bất kỳ thông báo nào từ Bảo hiểm A liên quan đến việc bồi thường phương tiện 72C 09407, nên Công ty Q có liên hệ với gara Đ thì được biết: Phía gara báo chi tiết sửa chữa phương tiện với chi phí 199.475.000đ (chưa bao gồm VAT) và Bảo hiểm A duyệt ở mức 79.855.000đ. Ngày 29-10-2018 Công ty Q có văn bản số 10/2018/ĐN-QMS gửi Bảo hiểm A nhưng không có phúc đáp nên tiếp tục gửi Công văn số 11-2018/ĐN-QMS. Sau đó thông qua Gara Đ, Công ty Q được biết giá duyệt bồi thường được điều chỉnh lên mức 81.555.000đ. Ngày 21-11-2018, Công ty Q nhận được Thông báo số 2179/18/CV-A/BTTT ký ngày 16-11-2018 nêu: Áp dụng khoản 12.1 điều 12 Quy tắc 04/2015/QĐ-A/TGĐ của Công ty A quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, nên Công ty A không chịu bồi thường bất cứ thiệt hại nào xảy ra trong vụ tai nạn của phương tiện 72C 09407 do lái xe Nguyễn Công B cố tình điều khiển phương tiện vào khu vực nguy hiểm dẫn đến phương tiện bị tai nạn và phương tiện 72C 09407 vi phạm lỗi chở hàng quá tải trọng cho phép.

Công ty Q đã gửi văn bản 12-2018/KN-QMS ngày 21-12-2018 khiếu nại về quyết định loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm A, đồng thời chứng minh phương tiện 72C 09407 và lái xe Nguyễn Công B trong vụ tai nạn ngày 09-10-2018 không vi phạm các khoản tại Điều 12 Quy tắc 04/2015 của Bảo hiểm A. Đối với các khoản mục khác thuộc Điều 12 Quy tắc 04/2015 của Bảo hiểm A thì không vi phạm. Do đó Bảo hiểm A không có căn cứ từ chối trách nhiệm bồi thường. Đồng thời yêu cầu đến thời hạn 01-12-2018 bảo hiểm A phải có văn bản trả lời và thực hiện trách nhiệm bồi thường, nếu quá thời hạn này, Công ty Q sẽ đưa vụ việc ra Tòa án.

Quá thời hạn 01-12-2018, Công ty Q vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ bảo hiểm A nên dự định đưa phương tiện 72C 09407 về đơn vị vẫn thường sửa chữa cho các phương tiện của mình để sửa chữa trước, nhưng do phía Gara Đ đã thực hiện sửa chữa một số hạng mục, nên đã liên lạc với Giám đốc Bảo hiểm A, thì được biết các Chi nhánh A chỉ có nhiệm vụ kinh doanh “bán bảo hiểm” còn việc bồi thường là tập trung tại Tổng Công ty A, nên cũng không nắm rõ việc gara đã sửa chữa một số hạng mục và việc ai yêu cầu gara sửa chữa. Đồng thời Giám đốc Chi nhánh A tại Vũng Tàu có đề nghị chờ thêm đến 08-12-2018 để làm việc với Tổng Công ty A. Đến ngày 06-12-2018 Giám đốc Chi nhánh A có gửi email chuyển nội dung văn bản 2329/18/CV-A/BTTT ngày 06-12-2018 vẫn đưa ra các lý do từ chối trách nhiệm bồi thường.

Công ty Q nhận thấy:

1. Khi bán bảo hiểm, Công ty A định giá đối tượng bảo hiểm cao để thu phí cao và không có bất kỳ khuyến cáo nào đến người mua bảo hiểm.

Trước khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm, đã đến tận địa bàn phương tiện hoạt động (Công ty M) để kiểm tra, đánh giá, định giá phương tiện làm căn cứ tính phí bảo hiểm. Đánh giá tất cả các hạng mục bình thường, định giá phương tiện có giá trị 1.125.000.000 đ (so với giá bán mới là 1.280.000.000 đ) và không có ý kiến gì đối với việc thành thùng hàng đã được nâng cao so với nguyên bản.

2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm: Ban đầu muốn giảm bớt giá trị bồi thường, sau khi chủ phương tiện không đồng ý, thì viện dẫn mọi lý do để trốn tránh trách nhiệm bồi thường.

Công ty Q cho rằng nêu sau khi tham gia bảo hiểm mới tiến hành hoán cải thùng xe thì mới gọi là tự ý, trường hợp này do điều kiện đặc thù của loại hàng hóa vận chuyển, nên thành thùng hàng đã được hoán cải từ trước đó, và Bảo hiểm A đã biết việc đó khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm. Công ty A khi bán bảo hiểm thì định giá phương tiện cao để thu phí cao và mới sau 23 ngày, khi phương tiện xảy ra tai nạn thì lại nêu ý kiến do phương tiện xuống cấp nhiều nên chỉ duyệt bồi thường ít.

Bảo hiểm A cho rằng Chủ xe và lái xe biết chắc chắn xe sẽ bị tai nạn nhưng vẫn cố tình cho xe chở hàng vào đó là không đúng, vì mỗi ngày có hơn 100 lượt phương tiện đi vào đó để xuống hàng. Riêng phương tiện 72C 09407 đã vận chuyển xi thép cho Công ty M từ tháng 3/2017 và tất cả các chuyến hàng đều đi vào địa điểm đó để xuống hàng.

3. Không giữ uy tín với khách hàng: Trước khi tham gia bảo hiểm tại Bảo hiểm A, Công ty Q có thắc mắc về đơn vị sửa chữa liên kết với A tại địa bàn thị xã P, thì được hứa là sẽ liên kết với Gara Đ, khi xảy ra tai nạn cũng chỉ định đưa về Gara Đ, nhưng thực tế tới thời điểm này (18-01-2019) vẫn chưa ký hợp đồng liên kết với bất kỳ đơn vị sửa chữa nào ở địa bàn thị xã P, gây khó khăn cho khách hàng tham gia bảo hiểm.

Công ty Q đề nghị Tòa án buộc Bảo hiểm A bồi thường:

1. Bồi thường giá trị sửa chữa phương tiện 72C 09407: 219.422.500 đ (hai trăm mười chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) đã bao gồm VAT), theo báo giá của Gara Đ.

2. Bồi thường phần thu nhập bị mất do việc kéo dài thời gian từ 09-10-2018 đến 09-12-2018: 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng).

3. Bồi thường thiệt hại do chủ hàng cắt hợp đồng vận chuyển vì thiếu phương tiện dài ngày: 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng) là thu nhập bình quân của 02 phương tiện trong 01 tháng.

4. Yêu cầu Công ty A hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm phương tiện 72C 09492 do có biểu hiện lừa gạt khách hàng: 12.618.788 đ (mười hai triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng gồm VAT).

5. Chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, lệ phí và các chi phí phát sinh (nếu có) liên quan đến giải quyết vụ việc.

Tổng cộng là: 312.041.288đ (ba trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi một ngàn hai trăm tám mươi tám đồng).

Quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Bảo hiểm A (gọi tắt Bảo hiểm A) có trụ sở chính tại Tòa nhà A, số 117-119 đường C, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật là ông S – Quốc tịch Úc.

Vào ngày 17-09-2018 Bảo hiểm A và Công ty Q có ký kết hai Hợp đồng Bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 1101-0640-070100-18-000941 và số 1101-0640-070100-18-000942 và bên Thụ hưởng là Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh V.

Đối tượng bảo hiểm:

1. Xe ô tô chở hàng biển kiểm soát: 72C 09407, số chỗ 2, tải trọng 16,35 tấn, hãng xe CNHTC, hiệu xe ZZ3317, năm sản xuất tháng 6-2016, giá trị thực tế xe 1.125.000.000 đồng. Thời hạn bảo hiểm từ 14 giờ ngày 17-09-2018 đến 14 giờ ngày 17-09-2019, phí bảo hiểm 12.618.788 đồng.

2. 1. Xe ô tô chở hàng biển kiểm soát: 72C 09492, số chỗ 2, tải trọng 16,35 tấn, hãng xe CNHTC, hiệu xe ZZ3317, năm sản xuất tháng 6-2016, giá trị thực tế xe 1.125.000.000 đồng. Thời hạn bảo hiểm từ 14 giờ ngày 17-09-2018 đến 14 giờ ngày 17-09-2019, phí bảo hiểm 12.618.788 đồng.

Ngoài các điều khoản được thể hiện trên hai hợp đồng thì mỗi hợp đồng có thêm điều khoản bổ sung đính kèm là bộ phận không thể tách rời hợp đồng bảo hiểm số 1101-0640-070100-18-000941 và số 1101-0640-070100-18-000942 về điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Xe có thời hạn sử dụng từ 3 năm đến dưới 10 năm kể từ ngày sản xuất. Về quyền lợi bảo hiểm: Bảo hiểm A sẽ bồi thường các bộ phận bị hư hỏng cần phải thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng. Về thỏa thuận sửa đổi bổ sung khác: Bảo hiểm A sẽ không chịu trách nhiệm đối với những tổn thất đã xảy ra trước khi A được đánh giá rủi ro và chụp ảnh xe tham gia bảo hiểm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã nộp phí bảo hiểm đúng theo thỏa thuận.

Tuy nhiên, Bảo hiểm A được Công ty Q thông báo lúc 16h11 phút ngày 09-10-2018, khi vận chuyển xỉ thép từ Nhà máy V về bãi xử lý của Công ty CP M, phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 72C 09407 bị lật ngang rơi xuống độ sâu khoảng 5m.

Bảo hiểm A đã nhận đơn đề nghị số 10-2018/ĐN-QMS ngày 29-10-2018, đơn đề nghị số 11-2018/ĐN-QMS ngày 14-11-2018. Ngày 16-11-2018 Bảo hiểm A có gửi Văn bản số 2179/18/CV-A/BTTT về việc thông báo kết quả giải quyết bồi thường cho Công ty Q với nội dung không đồng ý bồi thường. Ngày 21-11-2018 Công ty Q có đơn khiếu nại số 12-2018/KN-QMS về việc giải quyết bồi thường vật chất xe 72C 09407. Ngày 06-12-2018 Bảo hiểm A có gửi Văn bản số 2329/18/CV-A/BTTT về việc phúc đáp khiếu nại xe 72C 094.07. Sau đó Công ty Q và Bảo hiểm A đã có thương lượng đưa ra phương án bồi thường nhưng không thành công vì vậy Công ty Q có đơn khởi kiện Bảo hiểm A tại Tòa án.

Bảo hiểm A không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty Q vì sự cố xảy ra không thuộc phạm vi bồi thường của Bảo hiểm A. Tuy nhiên Bảo hiểm A mong muốn được tiếp tục hợp tác lâu dài với Công ty Q nên căn cứ theo bảng duyệt giá sửa chữa do Bảo hiểm A lập chi tiết thì bảng giá sửa chữa là 79.855.000 đồng. Vì vậy Bảo hiểm A chấp nhận chi trả cho Công ty Q hơn mức

duyet giá sửa chữa là 100.000.000 đồng theo tính chất thương mại. Đây là việc thỏa thuận trên tinh thần hợp tác không phải là Bảo hiểm A có nghĩa vụ bồi thường.

Về khoản bồi thường khác, Bảo hiểm A đề nghị Công ty Q nên rút yêu cầu vì trong hợp đồng bảo hiểm hai bên ký kết không có thỏa thuận bồi thường những chi phí trên, đồng thời pháp luật không có quy định để Tòa án áp dụng điều luật để công nhận cho Công ty Q. Trường hợp Công ty Q không đồng ý mức bồi thường 100.000.000đ thì đề nghị Tòa án trung cầu 1 đơn vị độc lập để giám định lại xe làm căn cứ pháp luật để bảo hiểm A căn cứ vào mức độ thiệt hại khi có kết quả trung cầu giám định theo sự giám trừ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện Ngân hàng TMCP B trình bày:

Theo Hợp đồng hạn mức khách hàng tổ chức số 0155/01117/TDHM-PN ngày 31-8-2017 ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với Công ty TNHH Kết cấu công trình Q và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/0155/01118/TTSĐBS.HĐTD ngày 20-8-2018, cụ thể:

Tình hình nợ vay: Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn hiệu lực của HMTD đến hết ngày 30-8-2019, dư nợ hiện tại: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), lãi suất cho vay: 9.8%/năm. Kỳ hạn trả nợ trả nợ gốc vào cuối kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi: hàng tháng, nhóm nợ hiện tại: Nợ đủ tiêu chuẩn.

Bảo đảm tiền vay là hai xe tải tự đổ mang biển kiểm soát 72C-094.07 và 72C-094.92 giấy chứng nhận do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 22-11-2016.

Xét thấy tình hình trả nợ của Công ty Q tốt, dư nợ hiện tại là nợ đủ tiêu chuẩn. Ngân hàng TMCP B xét thấy vụ án không liên quan đến quyền lợi của Ngân hàng, do đó Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập.

Đại diện Công ty TNHH dịch vụ vận tải T trình bày:

Công ty TNHH dịch vụ vận tải T (Công ty T) được thành lập từ ngày 24-09-2009, người đại diện theo pháp luật cũng là Vũ Thái T – chức vụ Giám đốc.

Công ty Q đã đưa 2 chiếc xe tải kể trên vào hợp tác kinh doanh vận chuyển từ tháng 3/2017 với Công ty Cổ phần M, hai bên có ký kết văn bản thỏa thuận nhưng thực tế Công ty Q không ký kết hợp đồng trực tiếp mà do Công ty T ký kết hợp đồng trực tiếp với Công ty M theo Hợp đồng về việc thuê xe ben vận chuyển hàng phục vụ sản xuất số 100101-01/HĐNT/TĐPM-TT ngày 31-12-2017. Công ty T không đủ xe nên phải sử dụng xe của Công ty Q, đồng thời do Công ty M không muốn ký nhiều hợp đồng.

Giữa Công ty Q và Công ty T có lập văn bản thỏa thuận về việc bàn giao xe tải cho Công ty T để chuyên chở vật liệu xây dựng tái chế xi thép từ các nhà máy thép về bãi chứa nguyên liệu đầu vào của Công ty M. Về thời gian vận chuyển không có thời hạn cụ thể mà theo nhu cầu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty M. Về đơn giá cước sẽ căn cứ vào cung đường vận chuyển khác nhau, Công ty T sẽ báo giá, thời hạn thanh toán, Công ty T phải ký quỹ 500.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của Công ty M và sẽ được tất toán ngay sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng.

Công ty Q và Công ty T không có thỏa thuận sẽ phân chia lợi nhuận vì trong hợp đồng hợp tác đã nêu rõ doanh số bên nào nhận thì bên đó được hưởng và không cam kết gì trong quá trình vận chuyển khi gặp sự cố xảy ra hoặc hao mòn hư hỏng. Như vậy, trong sự cố lật xe Công ty T không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì trong việc lật xe trên.

Ông Nguyễn Công B trình bày:

Ông B có lái xe thử việc cho Công ty Q từ tháng 7-2018 đến tháng 10-2018 khi sự cố lật xe thì ông B nghỉ việc.

Khoảng 16 giờ ngày 09-10-2018 ông B lái xe biển số 72C 094.07 chở xỉ thép từ Công ty thép V về Công ty M trong lúc xe leo lên bãi dốc xỉ để đổ xỉ thì do nền đất bên phải xe không vững, dài sâu dạng hàm ếch nên đất bị sạt và xe lật nghiêng sang bên phải, ông B phải phá kính chắn gió phía trước để thoát ra ngoài. Ông B đã thực hiện đúng nhiệm vụ, khoảng cách từ bánh xe đến mép vực bên phải là hơn 1m. Sự cố xảy ra do rủi ro không phải ông B cố tình lái xe vào khu vực không an toàn vì trên xe còn tính mạng của ông B nên ông không chịu trách nhiệm và yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Công ty Cổ phần M trình bày:

Công ty M và Công ty T ký kết hợp đồng trực tiếp thuê xe tải ben loại 3 cầu lốp và 4 cầu lốp để vận chuyển xỉ thép từ các nhà máy thép về bãi chứa nguyên liệu đầu vào của Công ty M theo Hợp đồng về việc thuê xe ben vận chuyển hàng phục vụ sản xuất số 100101-01/HĐNT/TĐPM-TT ngày 31-12-2017. Công ty M có lập biên bản sự việc tài xế Nguyễn Công B lái xe biển số 72C-094.07 đã bị lật. Khi , khi sự cố xảy ra thì trên xe có 1 tài xế và 15,2 tấn xỉ thép, tài xế chỉ bị xây xát nhẹ, hàng hóa không bị thiệt hại, chủ yếu là phương tiện xe bị hư hỏng nặng. Công ty Q có mặt ngay và giữ nguyên hiện trường để chờ bảo hiểm đến giám định và các bên giải quyết thế nào Công ty M không rõ.

Công ty M không biết lý do tại sao xảy ra sự cố lật xe, Công ty chỉ thuê xe vận chuyển hàng hóa và trả cước vận chuyển theo khối lượng thực tế, các vấn đề liên quan đến việc điều phối cũng như tài xế lái xe không thuộc phạm vi điều hành của Công ty M. Chính vì vậy mọi vấn đề liên quan đến vụ án nêu trên, Công ty Cổ phần M không có ý kiến cũng như không liên quan đến sự việc tranh chấp này.

Đại diện Công ty TNHH Đầu tư xây dựng sản xuất dịch vụ và Thương mại Đ trình bày:

Ngày 09-10-2018, Công ty Q và Bảo hiểm A có đề nghị Công ty Đ cứu hộ chiếc xe ô tô 72C -094.07 bị tai nạn, Công ty Đ kết hợp với Công ty M cứu hộ xe lên khỏi hố và kéo về gara Đ, tình trạng xe đã bị hư hỏng nhiều. Khoảng 2 ngày sau, Bảo hiểm A kết hợp với Công ty Đ tháo gỡ các chi tiết xe để giám định, nhân viên bảo hiểm có chụp hình từng chi tiết nên Công ty Đ mới tiến hành tháo chi tiết đó ra. Công ty Đ đã lập bảng kê báo giá cho A là 199.475.000 đồng, còn A chỉ đồng ý duyệt ở mức 79.855.000 đồng. Do có nhiều hạng mục A không chịu bồi thường nên Công ty Đ không sửa chữa và Công ty Q ký gửi lại xe chờ thỏa thuận lại với A còn A cũng không liên lạc lại với Công ty Đ.

Khoảng 2-3 tháng sau, Công ty Q đề nghị Công ty Đ sửa chữa và đã thanh toán toàn bộ chi phí giống như bảng báo giá mà Công ty Đ đã gửi cho A trước

đây. Quá trình sửa chữa có một số hạng mục phát sinh đã sửa chữa luôn theo yêu cầu của Công ty Q, những hạng mục này nằm ngoài danh sách giám định chi tiết bị hư hỏng mà Công ty Đ cung cấp. Công ty Q đồng ý tự trả chi phí các hạng mục phát sinh này, sau khi sửa chữa xong Công ty Đ đã bàn giao lại xe cho Công ty Q.

Đây là tranh chấp giữa Công ty Q và Bảo hiểm A nên Công ty Đ không liên quan, không có tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật theo tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Bảo hiểm A bồi thường số tiền 155.270.500 đồng, đồng thời đình chỉ các yêu cầu khác của nguyên đơn đã tự nguyện xin rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tranh chấp trong vụ việc xảy ra giữa hai pháp nhân, quan hệ bảo hiểm xe ô tô là quan hệ bảo hiểm phi nhân thọ, cụ thể bảo hiểm tài sản, phát sinh trong quá trình kinh doanh, không thuộc trường hợp bảo hiểm bắt buộc, với mục đích lợi nhuận của cả hai bên đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở chính tại TP Hồ Chí Minh nhưng có văn phòng đại diện tại thành phố Vũng Tàu và các bên thực hiện ký kết hợp đồng bảo hiểm tại văn phòng đại diện thành phố Vũng Tàu. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

1.2. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 17-09-2018 Bảo hiểm A và Công ty Q có ký kết hai Hợp đồng Bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 1101-0640-070100-18-000941 và số 1101-0640-070100-18-000942 và bên Thụ hưởng là Ngân hàng TMCP B cho hai xe ô tô chở hàng biển kiểm soát 72C 09407 và 72C 09492 với thời hạn bảo hiểm từ 14 giờ ngày 17-09-2018 đến 14 giờ ngày 17-09-2019, phí bảo hiểm 12.618.788 đồng. Các bên đều xác nhận đã thực hiện nộp đủ phí bảo hiểm cho hai hợp đồng trên. Căn cứ vào Điều 117, 118, 119, 120 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Kinh doanh bảo hiểm thì hai hợp đồng Bảo hiểm tự nguyện xe ô tô không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của một giao dịch dân sự hợp pháp và thời điểm phát sinh về trách nhiệm bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra kể từ thời điểm Bảo hiểm A nhận được đầy đủ phí bảo hiểm.

Giữa Công ty Q và Bảo hiểm A đều công nhận có sự kiện chiếc xe ô tô biển kiểm soát 72C -094.07 do tài xế Nguyễn Công B điều khiển lúc 16h11 phút ngày 09-10-2018 khi vận chuyển xi thép từ Nhà máy V về bãi xử lý của Công ty M đã bị lật ngang rơi xuống độ sâu khoảng 5m. Do tai nạn xảy ra trong địa bàn nội bộ Công ty, không phải trên đường giao thông nên không thuộc phạm vi xử lý của Phòng Cảnh sát giao thông thị xã Phú Mỹ. Đến 13h00 ngày 10-10-2018 các bên thống nhất cho cứu hộ phương tiện 72C 09407 lên khỏi hố lúc 21h00' cùng ngày và chỉ định đưa về Gara Đ lúc 22h00 ngày 10-10-2018 để thực hiện việc sửa chữa. Theo đó, hai bên đã có thương lượng đưa ra phương án bồi thường nhưng không thành công dẫn đến phát sinh tranh chấp. Theo ý kiến của đại diện Công ty Đ xác nhận Công ty Q đã đề nghị gara Đ sửa chữa và tự thanh toán toàn bộ chi phí có một số hạng mục phát sinh đã sửa chữa nằm ngoài danh sách giám định chi tiết bị hư hỏng mà Công ty Đ cung cấp. Tại ủy nhiệm chi đề ngày 14-12-2018 thì Công ty Q có chi trả cho gara Đ số tiền tạm ứng sửa xe 72C 09407 là 200.000.000 đồng phù hợp với lời khai của Công ty Q và Công ty Đ.

Quá trình tố tụng, Bảo hiểm A không chịu trách nhiệm bồi thường nhưng để tiếp tục hợp tác lâu dài Bảo hiểm A đồng ý mức bồi thường về chi phí sửa chữa xe 100.000.000đ và đề nghị Công ty Q rút các yêu cầu còn lại vì không được thỏa thuận trong hợp đồng. Phía Công ty Q không đồng ý vẫn bảo lưu ý kiến như ban đầu nên Bảo hiểm A đề nghị Tòa án trung cầu 1 đơn vị độc lập để giám định lại xe nhằm mục đích có căn cứ pháp luật để Công ty A xem xét và được Công ty Q đồng ý.

Ngày 26-9-2019 Bảo hiểm A có đơn yêu cầu trung cầu giám định và cung cấp địa chỉ của tổ chức giám định là Công ty Cổ phần Giám định D có địa chỉ tại số 352 đường T, phường 2, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04-11-2019 Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu có Quyết định Trưng cầu giám định số 27/2019/QĐ-TCGD về việc đề nghị Công ty Cổ phần Giám định D thực hiện giám định, theo đó ngày 05-11-2019 Tòa án đã ký kết hợp đồng giám định số 06/19/HĐGD với Công ty Cổ phần Giám định D. Theo Chứng thư giám định số InS/KHA/19240 ngày 13-11-2019 của Công ty Cổ phần Giám định D xác định: Phương tiện đã được sửa chữa và đưa vào lưu hành nên phải căn cứ vào hình ảnh tổn thất có xác nhận của nhà bảo hiểm để xác định tình trạng tổn thất của ô tô tải biển kiểm soát 72C-094-07 bị tổn thất ngày 09-10-2019 có tổng thiệt hại là

155.270.500 đồng. Tại phiên tòa, Công ty Q cho rằng việc giám định bằng hình ảnh là không chính xác, nhưng do ngay từ đầu khi sự cố xảy ra vì chủ quan nên không yêu cầu thực hiện việc trưng cầu giám định ngay để xác định mức độ thiệt hại, do đó Công ty Q xin rút một phần yêu cầu bồi thường giá trị sửa chữa phương tiện 72C 094.07 từ 219.422.500 đồng còn 155.270.500 đồng theo chứng thư giám định. Theo bản tự khai đề ngày 24-04-2020 của Bảo hiểm A gửi cho Tòa án vẫn từ chối bồi thường với các lý do: Công ty Q đã hoán cải tăng chiều cao thùng xe hơn kích thước được quy định làm ảnh hưởng đến mức độ khi vận hành xe mà còn vi phạm theo khoản 14 Điều 4 Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT, nguyên nhân dẫn đến tai nạn do người điều khiển xe cố tình chạy xe leo lên bãi xỉ than không vững và yếu nên xe bị lật đổ, rủi ro trong trường hợp này là có thể lường trước được, nguyên tắc của kinh doanh bảo hiểm chỉ bảo hiểm cho sự rủi ro không thể lường trước được mà không bảo hiểm cho sự chắc chắn sẽ xảy ra. Theo lời khai của tài xế Nguyễn Công B thì sự cố xảy ra do rủi ro không phải ông B cố tình lái xe vào khu vực không an toàn vì trên xe còn tính mạng của ông B. Đối với Công ty T thừa nhận đã ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa với Công ty M đều xác nhận có sự cố lật xe nhưng không biết lý do tại sao, hai Công ty chỉ ký kết thuê xe vận chuyển hàng hóa và trả cước vận chuyển theo khối lượng thực tế nên không liên quan và không chịu bất cứ trách nhiệm nào. Về phía Ngân hàng TMCP B xác nhận Công ty Q có vay vốn tại Ngân hàng và bảo đảm tiền vay là hai xe tải tự đổ mang biển kiểm soát 72C-094.07 và 72C-094.92. Xét thấy tình hình trả nợ của Công ty Q tốt, dư nợ hiện tại là nợ đủ tiêu chuẩn nên không có đơn yêu cầu độc lập, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét các tài liệu do các bên cung cấp và lời khai của các bên thì thấy: Sự kiện bảo hiểm là sự kiện khách quan do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật quy định mà khi sự kiện đó xảy ra thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm. Hội đồng xét xử thấy rằng sự kiện bảo hiểm là có thật, thời gian xảy ra sự kiện bảo hiểm trong khoảng thời gian lúc 16h11 phút ngày 09-10-2018 thuộc thời gian có hiệu lực của hợp đồng đã làm phát sinh về trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết. Đồng thời theo bản khai của Bảo hiểm A cũng đề nghị Tòa án căn cứ vào Chứng thư giám định của Công ty Cổ phần Giám định D nhưng trừ phần hao mòn thiệt hại ban đầu đã có sẵn của xe ô tô trước khi tham gia bảo hiểm, phần thiệt hại có sẵn này là 15.000.000 đồng. Công ty Q không thừa nhận vì trước khi ký kết hợp đồng Bảo hiểm A có lập bảng đánh giá rủi ro xe ô tô và xác định giá trị thực tế của xe là 1.125.000.000 đồng. Theo giấy yêu cầu bảo hiểm bảng đánh giá rủi ro xe ô tô lập ngày 17-9-2018 được hai bên xác nhận tình trạng xe trước khi cấp bảo hiểm là bình thường, rủi ro tiềm tàng không có, do đó việc Bảo hiểm A yêu cầu trừ phần hao mòn 15.000.000.000đ là không có cơ sở. Xét việc Công ty Q yêu cầu Bảo hiểm A trả số tiền 155.270.500 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, Công ty Q xin rút yêu cầu về bồi thường phần thu nhập bị mất do việc kéo dài thời gian từ 09-10-2018 đến 09-12-2018 là 40.000.000 đồng; Bồi thường thiệt hại do chủ hàng cắt hợp đồng vận chuyển vì thiếu

phương tiện dài ngày là 40.000.000 đồng là thu nhập bình quân của 02 phương tiện trong 01 tháng; Hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm phương tiện 72C 09492 do có biểu hiện lừa gạt khách hàng là 12.618.788 đồng. Xét việc Công ty Q rút các yêu cầu trên là tự nguyện và phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ các yêu cầu này.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về chi phí điều tra xác minh, trưng cầu giám định là 17.900.000 đồng, Bảo hiểm A phải chịu, do Công ty Q đã nộp 5.000.000 đồng, Bảo hiểm A đã nộp xong 12.900.000 đồng nên Bảo hiểm A phải hoàn trả cho Công ty Q số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng. Bảo hiểm A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 7.763.525 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 262 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Kết cấu công trình Q đối với Công ty Cổ phần Bảo hiểm A.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm A phải bồi thường cho Công ty TNHH Kết cấu công trình Q số tiền 155.270.500đ (một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng), đây là số tiền bồi thường bảo hiểm đối với xe ô tô chiếc xe ô tô biển kiểm soát 72C-094.07 do gặp sự cố xảy ra ngày ngày 09-10-2018.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH Kết cấu công trình Q về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Bảo hiểm A phải bồi thường phần thu nhập bị mất do việc kéo dài thời gian từ 09-10-2018 đến 09-12-2018: 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng); Bồi thường thiệt hại do chủ hàng cắt hợp đồng vận chuyển vì thiếu phương tiện dài ngày: 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng) là thu nhập bình quân

của 02 phương tiện trong 01 tháng; Hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm phương tiện 72C 09492 do có biểu hiện lừa gạt khách hàng là 12.618.788đ (mười hai triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng gồm VAT), do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về chi phí điều tra xác minh, trưng cầu giám định là 17.900.000đ (mười bảy triệu chín trăm ngàn đồng) Công ty Cổ phần Bảo hiểm A phải chịu, do Công ty TNHH Kết cấu công trình Q đã nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng), Công ty Cổ phần Bảo hiểm đã nộp 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm ngàn đồng), do đó Công ty Cổ phần Bảo hiểm A phải hoàn trả cho Công ty TNHH Kết cấu công trình Q 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần Bảo hiểm A phải chịu án phí là 7.763.525đ (bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng). Công ty TNHH Kết cấu công trình Q không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010312 ngày 04-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Yến Oanh

